



**TAN CANG  
LOGISTICS**

EFFECTIVE SUPPLY CHAIN SOLUTION

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XẾP DỠ TÂN CẢNG**  
470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP HCM  
Mã số doanh nghiệp: 0304875444  
Website: <http://tancanglogistics.com>

Số: 372/BB – ĐHĐCĐTN 2022

Thủ Đức, ngày 16 tháng 6 năm 2022

## **BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Hôm nay, ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại hội trường TCL Building (470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh) diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (TCL) theo quyết định triệu tập của Hội đồng Quản trị.

Thời gian đại hội: Từ 08 giờ 30 phút đến 11 giờ 45 phút ngày 16/6/2022.

### **I. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:**

#### **1. Thành phần tham dự:**

- Các ông/ bà là thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát; thành viên Ban Giám đốc công ty; ứng viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát.
- Các cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông;

#### **2. Tính hợp lệ của đại hội:**

Công ty đã mời họp theo điều 139 – 141 Luật doanh nghiệp 2020 và theo Điều 20 Điều lệ công ty (công ty gửi thư mời họp cho 100% cổ đông theo danh sách chốt của TTLK chứng khoán). Tại thời điểm khai mạc đại hội, lúc 8 giờ 34 phút ngày 16/6/2022 số cổ đông tham dự đại hội gồm:

- Cổ đông tham dự và người được ủy quyền: **78** người. Tổng số cổ phiếu do các cổ đông tham dự và uỷ quyền là: **17,677,191/ 30,158,436** cổ phần, chiếm **58.61%** tổng số cổ phần của công ty.

Cổ đông vắng mặt không uỷ quyền nắm giữ: **12,481,245/30,158,436** cổ phần, chiếm **41.39%** tổng số cổ phần của công ty.

Căn cứ Khoản 1 Điều 21 Điều lệ công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đủ điều kiện để tiến hành.

### **II. DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI:**

#### **A. THỦ TỤC TIẾN HÀNH KHAI MẠC CUỘC HỌP ĐHĐCĐ:**

1. Ông Đặng Thanh Sơn thay mặt Ban tổ chức ĐHĐCĐ Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự.

2. Ông Đào Tuấn Anh - Đại diện Ban kiểm tra tư cách đại biểu công bố tỷ lệ tham dự đại hội.

3. Ông Đặng Thanh Sơn giới thiệu đoàn chủ tọa Đại hội gồm 3 thành viên:

- Ông Lê Hoàng Linh – Chủ tịch HĐQT: Chủ tọa Đại hội
- Ông Võ Đắc Thiệu – TV. HĐQT: Thành viên
- Ông Lê Văn Cường – TV. HĐQT: Thành viên

***Biểu quyết: 17,677,191/17,677,191 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai***

4. Ông Lê Hoàng Linh (Chủ tọa) đề cử Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

- **Thư ký Đại hội:** Bà Phạm Thị Trang

***Biểu quyết: 17,677,191/17,677,191 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai***

- **Ban kiểm phiếu, gồm 03 người:**

- + Ông Nguyễn Tuấn Anh: Trưởng ban
- + Bà Hoàng Thị Thùy Dương: Thành viên
- + Bà Vũ Thị Mai Lan: Thành viên (Thư ký).

***Biểu quyết: 17,677,191/17,677,191 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai***

5. Ông Lê Hoàng Linh thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

***Biểu quyết: 17,677,191/17,677,191 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai***

6. Ông Lê Hoàng Linh thông qua Chương trình làm việc tại Đại hội.

***Biểu quyết: 17,677,191/17,677,191 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai***

## **B. TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BKS VÀ CÁC TỜ TRÌNH XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:**

I. Ông Lê Hoàng Linh báo cáo kết quả SXKD năm 2021; kế hoạch SXKD năm 2022; kết quả đầu tư năm 2021; kế hoạch đầu tư năm 2022 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, cụ thể như sau:

## 1. Kết quả SXKD năm 2021

### 1.1. Kết quả sản lượng thực hiện năm 2021 (một số chỉ tiêu chính):

| CHỈ TIÊU                     | ĐVT  | Kế hoạch Năm 2021 | Thực hiện Năm 2021 | % So với KH năm | % so với Cùng kỳ |
|------------------------------|------|-------------------|--------------------|-----------------|------------------|
| SL xếp dỡ container tại bãi  | Teus | 2,940,000         | 2,038,014          | 69.32%          | 68.15%           |
| SL xếp dỡ bến sà lan 125     | Teus | 222,000           | 250,990            | 113.06%         | 113.26%          |
| SL dịch vụ thông qua depot   | Teus | 2,050,000         | 2,074,581          | 101.20%         | 105.56%          |
| SL dịch vụ đóng/rút hàng     | Teus | 48,000            | 34,502             | 71.88%          | 67.66%           |
| SL dịch vụ tại cảng TCNT     | Teus | 92,000            | 80,435             | 87.43%          | 91.44%           |
| SL dịch vụ kho tại cảng TCNT | Tấn  | 20,000            | 24,401             | 122.01%         | 147.82%          |
| SL Hàng rời bến sà lan TCNT  | Tấn  | 100,000           | 56,427             | 56.43%          | 66.60%           |

### 1.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT  | Chỉ tiêu                       | Kế hoạch Năm 2021 | Thực hiện Năm 2021 | Tỷ lệ (%) | % so với cùng kỳ |
|-----|--------------------------------|-------------------|--------------------|-----------|------------------|
| I   | Tổng doanh thu, thu nhập thuần | 1,176,226.45      | 1,176,035.28       | 99.98%    | 107.14%          |
| II  | Tổng chi phí                   | 1,042,924.82      | 1,038,091.46       | 99.54%    | 106.71%          |
| III | Tổng LN trước thuế             | 133,301.63        | 137,943.82         | 103.48%   | 110.45%          |
| IV  | Thuế TNDN phải nộp             | 23,813.20         | 26,450.03          | 111.07%   | 124.72%          |
| V   | LN sau thuế                    | 109,488.43        | 111,493.78         | 101.83%   | 107.53%          |
| VI  | EPS (đồng/CP)                  | 2,963.38          | 3,029.00           | 102.21%   | 112.85%          |

## 2. Kế hoạch SXKD năm 2022

### 2.1. Kế hoạch sản lượng năm 2022 của TCL (một số chỉ tiêu chính):

| CHỈ TIÊU                            | ĐVT  | Thực hiện Năm 2021 | Kế hoạch Năm 2022 | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------------------|------|--------------------|-------------------|-----------|
| Sản lượng xếp dỡ container tại bãi  | Teus | 2,038,014          | 2,000,000         | 98.13%    |
| Sản lượng xếp dỡ bến sà lan 125     | Teus | 250,990            | 300,000           | 119.53%   |
| Sản lượng dịch vụ thông qua depot   | Teus | 2,074,581          | 2,100,000         | 101.23%   |
| Sản lượng dịch vụ đóng/rút hàng     | Teus | 34,502             | 38,000            | 110.14%   |
| Sản lượng dịch vụ tại cảng TCNT     | Teus | 80,435             | 80,000            | 99.46%    |
| Sản lượng dịch vụ kho tại cảng TCNT | Tấn  | 24,401             | 50,000            | 204.91%   |

|                                    |     |        |        |         |
|------------------------------------|-----|--------|--------|---------|
| Sản lượng hàng rời bến sà lan TCNT | Tấn | 56,427 | 60,000 | 106.33% |
|------------------------------------|-----|--------|--------|---------|

## 2.2. Kế hoạch SXKD năm 2022:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                       | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 | Tỷ lệ % |
|-----|--------------------------------|--------------------|-------------------|---------|
| I   | Tổng doanh thu, thu nhập thuần | 1,176,035.28       | 1,242,547.00      | 105.66% |
| II  | Tổng chi phí                   | 1,038,091.46       | 1,098,501.83      | 105.82% |
| III | Tổng lợi nhuận trước thuế      | 137,943.82         | 144,045.17        | 104.42% |
| IV  | Thuế TNDN phải nộp             | 26,450.03          | 26,275.03         | 99.34%  |
| V   | Tổng lợi nhuận sau thuế        | 111,493.78         | 117,770.14        | 105.63% |

## 3. Kết quả đầu tư năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT        | Tên hạng mục đầu tư                           | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | Tỷ lệ %        |
|------------|---|-------------------|--------------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>                 | <b>75,800.00</b>  | <b>1,044.86</b>    | <b>1.38%</b>   |
| <b>A</b>   | <b>Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch</b>            | <b>54,800.00</b>  | <b>497.18</b>      | <b>0.91%</b>   |
| 1          | Di dời kho xăng dầu vùng 2 sang vị trí mới    | 3,800.00          | 356.62             | 9.38%          |
| 2          | Xây kho hàng kho (khu 15 ha)                  | 51,000.00         | 140.56             | 0.28%          |
| <b>B</b>   | <b>Nâng cấp Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2</b>      | <b>21,000.00</b>  | <b>0.00</b>        | <b>0.00%</b>   |
| <b>C</b>   | <b>Khu vực Tân Cảng Mỹ Thủy</b>               | <b>0.00</b>       | <b>78.61</b>       |                |
| 1          | Lắp đường dây cấp nguồn dàn PTI tại T04-TCMT  |                   | 78.61              |                |
| <b>D</b>   | <b>Xây trụ sở văn phòng</b>                   |                   | <b>469.07</b>      |                |
| <b>II</b>  | <b>MUA SẮM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ</b>             | <b>0.00</b>       | <b>1,381.95</b>    |                |
| 1          | Phần mềm quản lý doanh thu chi phí            |                   | 288.00             |                |
| 2          | Mua sắm băng tải đóng gạo ICD TCNT            |                   | 954.32             |                |
| 3          | Mua sắm server Dell cho phòng TCKT            |                   | 55.99              |                |
| 4          | Phần mềm Base                                 |                   | 83.64              |                |
| <b>III</b> | <b>ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Góp vốn điều lệ)</b>     | <b>-8,000.00</b>  | <b>-8,365.92</b>   | <b>104.57%</b> |
| 1          | Thoái vốn Cty CP ICD Tân cảng Cái Mép         | -6,400.00         | -6,400.00          | 100.00%        |
| 2          | Thoái vốn Cty CP ĐT và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu | -1,600.00         | -1,965.92          | 122.87%        |

Tổng số tiền đầu tư XDCB năm 2021 là 1,044.86 triệu đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), chỉ đạt 1,38% kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân là do ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, việc tìm kiếm khách hàng thuê kho gặp khó khăn nên công ty chưa đầu tư xây kho theo kế hoạch và chưa nâng cấp Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2.

Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty CP ICD Tân cảng Cái Mép và Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu.

#### 4. Kế hoạch đầu tư năm 2022

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT       | Tên hạng mục đầu tư                                  | Kế hoạch 2022    |
|-----------|--|------------------|
| <b>I</b>  | <b>ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>                        | <b>64,550.00</b> |
| <b>A</b>  | <b>Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch</b>                   | <b>44,350.00</b> |
| 1         | Dự án 15 ha Tân Cảng Nhơn Trạch                      | 35,000.00        |
| 1.1       | Thi công kho 1 và đường bãi quanh kho                | 35,000.00        |
| 2         | Lắp mới đường dây cấp nguồn dàn PTI tại TCNT         | 9,350.00         |
| <b>B</b>  | <b>Khai thác 20ha ICD/Depot tại khu vực phía nam</b> | <b>20,200.00</b> |
| <b>II</b> | <b>MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ</b>                    | <b>1,800.00</b>  |
| 1         | Phần mềm quản lý khai thác Depot/ICD TTOS            | 1,800.00         |
|           | <b>TỔNG</b>  | <b>66,350.00</b> |

*Bảng chữ: Sáu mươi sáu tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng./.*

#### 5. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

**(Tóm tắt một số chỉ tiêu chính)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                         | TCL               | Hợp nhất          |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tài sản ngắn hạn                 | 368,758.53        | 388,359.49        |
| Tài sản dài hạn                  | 471,150.77        | 498,888.31        |
| <b>Tổng cộng tài sản</b>         | <b>839,909.30</b> | <b>887,247.80</b> |
| Nợ phải trả                      | 308,273.57        | 308,255.55        |
| Nguồn vốn chủ sở hữu             | 531,635.73        | 578,992.26        |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>       | <b>839,909.30</b> | <b>887,247.80</b> |
| 1. Doanh thu bán hàng và CCDV    | 1,153,230.88      | 1,185,725.67      |
| 2. Doanh thu hoạt động tài chính | 22,798.17         | 10,033.97         |
| 3. Thu nhập khác                 | 6.23              | 22.84             |

|   |                   |                   |
|---|-------------------|-------------------|
| <b>Giá vốn hàng bán</b>                     | <b>956,134.00</b> | <b>982,133.34</b> |
| Chi phí tài chính                           | 820.56            | 1,532.43          |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty LDLK         |                   | 15,458.01         |
| Chi phí bán hàng                            | 24,893.12         | 25,203.61         |
| Chi phí quản lý                             | 56,051.77         | 61,761.40         |
| Chi phí khác                                | 192.02            | 221.18            |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>    | <b>137,943.82</b> | <b>140,388.52</b> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp:                 | 26,450.03         | 26,918.01         |
| Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại |                   |                   |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                   | <b>111,493.78</b> | <b>113,470.51</b> |

**II. Ông Lê Hoàng Linh thông qua tờ trình điều chỉnh chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của công ty giai đoạn 2021-2025 với một số chỉ tiêu như sau:**

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025 (Công ty mẹ).

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu                                  | 2021      | 2022      | 2023      | 2024      | 2025      |
|----|---|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1  | Doanh thu thuần                           | 1,153,430 | 1,212,324 | 1,281,625 | 1,349,314 | 1,424,639 |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế                      | 133,302   | 136,405   | 139,159   | 142,944   | 147,558   |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế                        | 109,488   | 112,155   | 114,545   | 117,553   | 121,225   |
| 4  | Thu nhập BQ của NLD<br>(triệu đồng/tháng) | 25.00     | 25.50     | 27.00     | 27.30     | 28.00     |

- Kế hoạch tài chính doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 (Công ty mẹ).

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu  | 2021    | 2022      | 2023      | 2024      | 2025      |
|----|---|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1  | Vốn điều lệ   | 301,584 | 301,584   | 301,584   | 301,584   | 301,584   |
| 2  | Vốn chủ sở hữu  | 530,251 | 546,918   | 565,389   | 585,935   | 609,273   |
| 3  | Tổng giá trị tài sản  | 919,865 | 1,117,611 | 1,103,254 | 1,075,785 | 1,053,812 |
| 4  | Nợ phải trả   | 389,614 | 570,692   | 537,864   | 489,850   | 444,539   |
|    | <i>Đầu tư vào công ty con;<br/>công ty liên doanh, liên kết</i> | 118,560 | 118,560   | 118,560   | 118,560   | 118,560   |
|    | <i>Đầu tư dài hạn khác</i>                                      | 26,479  | 26,479    | 26,479    | 26,479    | 26,479    |

**III. Ông Lê Hoàng Linh trình bày báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 (Xem tài liệu đại hội).**

**IV. Ông Phạm Văn Phụng thay mặt Ban kiểm soát trình bày báo cáo của BKS năm 2021 (Xem tài liệu đại hội).**

**V. Ông Phạm Văn Phụng trình bày tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022, cụ thể như sau:**

Ban kiểm soát đề xuất 05 đơn vị kiểm toán đưa vào danh sách chọn như sau:

- 1.1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội;
- 1.2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- 1.3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- 1.4. Công ty TNHH PWC Việt Nam;
- 1.5. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 và giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên, giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn.

**VI. Ông Võ Đắc Thiệu Thành viên HĐQT trình bày tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022, cụ thể như sau:**

**1. Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021.**

| NỘI DUNG                               | KẾ HOẠCH NĂM 2021 |                 | THỰC HIỆN NĂM 2021 |                 |
|--|-------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|  | %                 | Giá trị         | %                  | Giá trị         |
| Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước |                   | 71.091.822.666  |                    | 71.091.822.666  |
| Lợi nhuận sau thuế 2021                |                   | 109.488.430.000 |                    | 111.493.782.637 |
| Lợi nhuận phân phối                    |                   | 109.488.430.000 |                    | 111.493.782.637 |
| - Quỹ đầu tư Phát triển                | 30%               | 32.846.529.000  | 30%                | 33.448.134.791  |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi            | 25% QL            | 19.000.000.000  | 25%QL              | 19.492.653.948  |
| - Quỹ thưởng BQL điều hành             |                   | 550.000.000     |                    | 630.000.000     |
| - Quỹ thưởng BDH hoạt động LD          |                   | 100.000.000     |                    | 100.000.000     |
| - Chia cổ tức                          | 22%               | 66.348.559.200  | 42%                | 126.665.431.200 |
| Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau       |                   | 61.735.164.466  |                    | 2.249.385.364   |

Thời gian chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2021 trong tháng 8/2022; thời gian chi trả cổ tức dự kiến trước ngày 30/9/2022.

**2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022.**

| Nội dung | KẾ HOẠCH NĂM 2022 |
|----------|-------------------|
|----------|-------------------|

|   | %      | Giá trị                |
|---|--------|------------------------|
| <b>Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước</b> |        | <b>2.249.385.364</b>   |
| <b>Lợi nhuận sau thuế 2022</b>                |        | <b>117.770.140.000</b> |
| <b>Lợi nhuận phân phối</b>                    |        | <b>117.770.140.000</b> |
| - Quỹ đầu tư Phát triển                       | 30%    | 35.331.042.000         |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 25% QL | 20.350.000.000         |
| - Quỹ thưởng BQL điều hành                    |        | 700.000.000            |
| - Quỹ thưởng BDH hoạt động Liên doanh         |        | 100.000.000            |
| - Chia cổ tức                                 | 21%    | 63.332.715.600         |
| <b>Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau</b>       |        | <b>205.767.764</b>     |

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2022 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2022 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

## **VII. Ông Võ Đắc Thiệu trình bày tờ trình chi trả thù lao HĐQT, BKS 2021; KH thù lao HĐQT, BKS 2022, cụ thể như sau:**

### **1. Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021:**

Căn cứ Điều 9 Nghị quyết số 294/NQ-HĐQT ngày 15/6/2021, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 8,000,000<sup>d</sup>/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT : 6,500,000<sup>d</sup>/tháng
- Các thành viên HĐQT : 5,000,000<sup>d</sup>/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 5,000,000<sup>d</sup>/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 2,500,000<sup>d</sup>/tháng

Tổng mức thù lao đã chi trả các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách trong năm 2021 là 286,500,000 đồng (*Hai trăm tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*).

### **2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022**

- Thù lao chi trả cho HĐQT (bao gồm Chủ tịch và 04 ủy viên): 336,000,000 đồng/năm.

*Trong đó:* Chủ tịch HĐQT: 8,000,000<sup>d</sup>/tháng, thành viên HĐQT: 5,000,000<sup>d</sup>/tháng

- Thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát (bao gồm Trưởng BKS, 02 thành viên BKS): 120,000,000 đồng/năm.

*Trong đó:* Trưởng Ban Kiểm soát: 5,000,000<sup>d</sup>/tháng; thành viên Ban kiểm soát: 2,500,000<sup>d</sup>/tháng.



Tổng cộng mức thù lao chi trả các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách: **300,000,000 đồng/năm** (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn).

**VIII. Ông Võ Đắc Thiệu trình bày tờ trình phương án trả lương của công ty năm 2022, cụ thể như sau:**

**1. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của người lao động là 81,400,000,000 đồng** (tương ứng với lợi nhuận trước thuế kế hoạch 144,045,171,000 đồng).

**2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý chuyên trách: 5,600,000,000 đồng.**

**3. Quỹ thù lao kế hoạch của viên chức quản lý không chuyên trách: 300,000,000 đồng.**

Quỹ lương thực hiện năm 2022 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2022 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH.

**IX. Ông Võ Đắc Thiệu trình bày tờ đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn, cụ thể như sau:**

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Cổ đông lớn, Công ty mẹ) thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm:** *Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, bốc xếp, đóng rút hàng; vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; thuê/cho thuê bến, bãi, văn phòng làm việc; hợp tác kinh doanh khai thác bãi container...*

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

**X. Ông Lê Văn Cường trình bày tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ công ty (xem tài liệu Đại hội).**

**XI. Ông Lê Văn Cường trình bày tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty (xem tài liệu Đại hội).**

**XII. Ông Lê Văn Cường trình bày tờ trình xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài và điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh, cụ thể như sau:**

Qua rà soát các điều ước quốc tế Việt Nam là thành viên và pháp luật Việt Nam quy định về sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh:

- Giảm ngành nghề đăng ký kinh doanh: Điều hành tua du lịch (mã ngành 7912).
- Xác định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng là 49% vốn điều lệ.
- Sửa Khoản 2 Điều 4 trong Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng: Bỏ Tiết 15: Điều hành tua du lịch (mã ngành 7912).

**XIII. Ông Lê Văn Cường trình bày tờ trình đề nghị Cty TNHH MTV TCT TCSG hỗ trợ công tác KTNB, cụ thể như sau:**

Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng (TCL) là công ty con của công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (TCT) đã thành lập phòng kiểm toán nội bộ và phòng kiểm toán nội bộ của TCT đã triển khai thực hiện kiểm toán nội bộ cho TCL trong tháng 02 năm 2022 (Phạm vi kiểm toán: Năm 2021).

Nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty, đồng thời tiết kiệm chi phí cho công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đề nghị Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn hỗ trợ công tác KTNB của TCL (khi TCL chưa thành lập bộ phận KTNB). TCL sẽ phối hợp với phòng kiểm toán nội bộ của TCT xây dựng Quy chế, quy trình và kế hoạch kiểm toán nội bộ cho công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ vào thời điểm thích hợp hoặc thuê ngoài dịch vụ kiểm toán nội bộ khi cần thiết.

**XI. Ông Lê Văn Cường trình bày tờ trình bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS.**

Ông Nguyễn Xuân Bình – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; Ông Võ Đắc Thiệu Thành viên HĐQT không điều hành và Bà Nguyễn Thị Nhu – Thành viên ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu và trúng cử theo Nghị quyết số 266/NQ-ĐHĐCĐTN 2017 ngày 28/4/2017 đến nay đã 5 năm. Như vậy Ông Nguyễn Xuân Bình; Ông Võ Đắc Thiệu: Thành viên HĐQT và Bà Nguyễn Thị Nhu: Thành viên ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ.

Công ty TNHH MTV TCT TCSG đề cử Ông Ngô Ngọc Khánh tham gia ứng cử để bầu thành viên HĐQT (thay ông Võ Đắc Thiệu) và đề cử Ông Trần Văn Trường tham gia ứng cử để bầu thành viên ban kiểm soát (thay bà Nguyễn Thị Nhu).

Do số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, nên HĐQT đề cử Ông Phạm Trung Nghị tham gia ứng cử để bầu thành viên độc lập HĐQT thay Ông Nguyễn Xuân Bình.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua danh sách ứng viên bầu 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

| STT  | Họ và tên ứng viên                               | Ghi chú   |
|--|--|---|
| <b>I. BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> |  |   |
| 1  | Ông Ngô Ngọc Khánh                               | Cty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn đề cử   |
| 2  | Ông Phạm Trung Nghị<br>(thành viên độc lập HĐQT) | Các cổ đông đề cử không đủ số lượng ứng viên để bầu, nên Hội đồng quản trị đề cử. |
| <b>II. BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</b>    |  |   |
| 1  | Ông Trần Văn Trường                              | Cty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn đề cử   |

### C. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN.

Các đại biểu tham dự đại hội đặt câu hỏi trực tiếp cho Đoàn chủ tọa và được Đoàn chủ tọa trả lời trực tiếp tại đại hội. Sau đây là một số nội dung chính được thảo luận tại đại hội.

**Cổ đông hỏi:** *Cổ tức so với năm trước chưa bằng, mong năm 2022 và chiến lược 5 năm cao hơn năm 2021.*

**Trả lời:** Ban lãnh đạo và tập thể CBNV luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch SXKD đề ra. Theo Nghị quyết số 291 / NQ – ĐHĐCĐTN 2021 ngày 15 tháng 6 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021 là 22%. Cổ tức năm 2021 đang trình ĐHĐCĐ thông qua là 42%, so với các công ty khác là mức tương đối cao.

**Cổ đông hỏi:** *Đề nghị ban lãnh đạo cho biết cho nước ngoài giữ tỷ lệ sở hữu bao nhiêu % tối đa? Đề nghị tối đa cho người nước ngoài 20% thôi.*

**Trả lời:** Trong tờ trình về việc xác định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài Công ty đang trình Đại hội đồng cổ đông xác định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 49% vốn điều lệ.

**Cổ đông hỏi:** *Đề nghị HĐQT cho biết thị phần khai thác cảng của TCT TCSG, những chiến lược phát triển trong tương lai của Công ty mẹ và sự hỗ trợ Công ty mẹ đối với các Công ty thành viên?*

**Trả lời:**

Thị phần khai thác cảng của TCT TCSG chiếm 92% khu vực TP. HCM, 65% khu vực Cảng Cái Mép, 50% thị phần cả nước.

Định hướng TCT TCSG phát triển theo định hướng tập đoàn kinh tế biển.

TCT TCSG là 1 trong 8 tập đoàn Tổng công ty Nhà nước dẫn dắt các ngành kinh tế chính. TCT TCSG là về ngành cảng biển. TCT TCSG phát triển trên 3 trụ cột: Khai thác cảng, Logistics, Kinh tế biển.

TCT tạo điều kiện cho các Công ty con hoạt động, cung cấp dịch vụ cho TCT. Hoạt động cộng sinh giữa TCT TCSG và các Cty thành viên.

**Cổ đông hỏi:** Trong bối cảnh dịch bệnh, chiến tranh, lạm phát, kinh tế khó khăn ..., thì kế hoạch tăng trưởng trong 2022 của công ty có đạt không? khả thi không ?

***Trả lời:***

Hoạt động SXKD năm 2022 công ty trình ĐHCĐ hoàn toàn có thể đạt các mục tiêu đề ra. Hoạt động quý 1 năm 2022 tuy tình hình chung kinh tế còn gặp nhiều khó khăn thách thức, với lạm phát tăng cao, nhưng công ty luôn cố gắng và các chỉ tiêu thực hiện đều đạt kế hoạch đề ra.

**Cổ đông hỏi:** Đề nghị cho biết kế hoạch sử dụng vốn sắp tới của công ty?

***Trả lời:***

Trong kế hoạch 5 năm của TCL về sử dụng vốn, sẽ triển khai một số dự án đầu tư, trong đó nổi bật là đầu tư kho tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch và triển khai dự án tại Long Bình.

**Cổ đông hỏi:** Lý do thoái vốn của công ty tại công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép?

***Trả lời:***

Trong cơ cấu cổ đông của Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép, TCL chỉ chiếm 8% vốn và vai trò khá mờ nhạt không nắm nhiều quyền điều hành chi phối và khó đảm bảo hiệu quả đầu tư cho cổ đông của TCL. TCT TCSG cũng yêu cầu TCL thoái vốn.

**Cổ đông hỏi:** Trong bối cảnh mọi nguồn chi phí đều tăng cao, giá dịch vụ TCL cung cấp có dự kiến tăng không? Với chi phí tăng thì đơn giá thu của công ty có điều chỉnh tăng để đảm bảo lợi nhuận không?

***Trả lời:***

Trong hoạt động kinh tế cạnh tranh, việc điều chỉnh giá cần theo thị trường chung của khu vực, và theo mức độ tăng của nguyên nhiên liệu đầu vào. Do vậy chắc chắn sẽ điều chỉnh đơn giá phù hợp khi các yếu tố đầu vào ảnh hưởng đến giá thành dịch vụ của TCL. Mức điều chỉnh và thời gian sẽ tùy theo tình hình thực tế của thị trường.

**Cổ đông hỏi:** Kế hoạch SXKD năm 2022, Sản lượng dịch vụ tại kho ICD tại cảng TCNT tăng 204%, sao lại tăng cao vậy?

***Trả lời:***

Kế hoạch trên là mảng dịch vụ bốc xếp trong kho, chỉ là một trong số các mảng dịch vụ tại ICD NT.

Năm trước do tình hình dịch bệnh, và việc Trung Quốc đóng biên nhiều tháng, dẫn đến sản lượng bốc xếp xuất nhập kho tại ICD Nhơn Trạch của khách hàng Toàn Cầu thấp. Năm nay khi tình hình dịch bệnh đã có tín hiệu tốt, Dự kiến khách hàng mới sẽ có nhiều hoạt động xuất nhập kho nên sản lượng sẽ tăng cao.

**Cổ đông hỏi: Kết quả kinh doanh của các Công ty mà TCL góp vốn? Công ty có dự định góp vốn vào các công ty mới để thực hiện các dự án sắp tới không?**

**Trả lời:** Doanh thu, lợi nhuận, EPS năm 2021 tại các công ty TCL đầu tư góp vốn như sau:

1. Công ty CP Tân Cảng Bến Thành: DT: 450.49 tỷ, LNST: 43.06 tỷ, EPS: 2.623 đồng.

2. Công ty CP Tiếp Vận Tân Cảng Đồng nai: DT: 93.14 tỷ, LNST: 0.03 tỷ, EPS: 6.05 đồng.

3. Công ty CP Tân Cảng 128 Hải Phòng: DT: 199.87 tỷ, LNST: 1.98 tỷ, EPS: 214.94 đồng.

4. Công ty CP Cát Lái Đông Sài Gòn: DT: 162.22 tỷ, LNST: 2.89 tỷ, EPS: 634.77 đồng.

Với câu hỏi Có góp vốn vào cty mới hay lập cty mới không : có thể phương án hợp tác để triển khai dự án, đại diện sẽ tính toán và báo cáo cổ đông trước khi thực hiện

**Cổ đông hỏi: Cơ sở trích quỹ đầu tư phát triển? Tại sao TCL trích quỹ ĐTPT cao là 30%? Mục đích sử dụng quỹ ĐTPT là gì? Số dư quỹ đến 31/12/2021 là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Cơ sở trích quỹ đầu tư phát triển là căn cứ theo Nghị định ND140/2020-ND-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ. TCL trích quỹ đầu tư phát triển: 30%.

Mục đích sử dụng quỹ đầu tư phát triển là để đầu tư, mở rộng và phát triển kinh doanh; đổi mới thay thế các trang thiết bị; bổ sung nguồn vốn;...

Mục đích sử dụng quỹ ĐTPT của TCL nhằm đảm bảo nguồn vốn đầu tư cho các dự án của kế hoạch phát triển 5 năm.

Quỹ đầu tư phát triển của công ty đến 31/12/2021 là: 80,344,430,827 đồng.

Sau khi đã trả lời các câu hỏi của cổ đông, không có cổ đông nào có ý kiến gì thêm, phần thảo luận kết thúc.

**Đ. ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT**

Đến 10 giờ 40 phút, khi tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung, cổ đông tham dự và cổ đông được ủy quyền tham dự đại hội có mặt là: **101** người. Tổng số cổ phiếu do các cổ đông tham dự và ủy quyền là: **17,762,207/ 30,158,436** cổ phần, chiếm **58.89 %** tổng số cổ phần của công ty.

**Ông Nguyễn Tuấn Anh - Trưởng ban kiểm phiếu** hướng dẫn biểu quyết và công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết như sau:

– Số lượng đại biểu tham gia biểu quyết: 101 người. (Có 02 đại biểu, mỗi đại biểu có 02 phiếu biểu quyết do tách phiếu biểu quyết cổ phần cá nhân sở hữu với phiếu biểu quyết do công ty TNHH MTV TCT TCSG ủy quyền. Phiếu biểu quyết do công ty TNHH MTV TCT TCSG ủy quyền không tham gia biểu quyết nội dung: Thông qua tờ trình chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn).

– Tổng số phiếu phát ra: 103, đại diện cho **17,762,207** cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

– Số phiếu thu được: 99, đại diện cho **17,736,883** cổ phần, chiếm 99.86% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

– Số phiếu không thu về: 04, đại diện cho **25,324** cổ phần, chiếm 0.14% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

**1. Thông qua tờ trình về kết quả SXKD năm 2021; kế hoạch SXKD năm 2022; kết quả đầu tư năm 2021; kế hoạch đầu tư năm 2022 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021.**

*Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,783 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0006 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

**2. Thông qua tờ trình về việc điều chỉnh chiến lược, kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của công ty giai đoạn 2021-2025.**

*Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,783 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0006 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

**3. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.**

Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,783 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0006 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

#### **4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.**

Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,583 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0017 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

#### **5. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022.**

Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,583 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0017% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

#### **6. Thông qua tờ về việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022.**

Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,783 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0006% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

#### **7. Thông qua tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022.**

Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,583 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0017 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

#### **8. Thông qua tờ trình phương án trả lương của công ty năm 2022.**

*Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,783 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0006 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

#### **9. Thông qua tờ trình đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn.**

(Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn không tham gia biểu quyết nội dung này).

Kết quả kiểm phiếu sau khi loại quyền biểu quyết của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn như sau:

*Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 2,354,774 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98.93 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0042 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

#### **10. Thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty.**

*Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,571 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 312 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0018 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

#### **11. Thông qua tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.**

*Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,571 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 312 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0018 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

#### **12. Thông qua tờ trình xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài và điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh**

*Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,721,777 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.77 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*

*Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 15,006 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.085 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.*



Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0006 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

### **13. Thông qua tờ trình đề nghị TCT hỗ trợ công tác KTNB của TCL**

Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,583 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0017 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

### **14. Thông qua tờ trình bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS.**

Số lượng phiếu biểu quyết tán thành đại diện cho 17,736,783 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.86 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không tán thành đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Số lượng phiếu biểu quyết không có ý kiến đại diện cho 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0006 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

## **E. CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 THÔNG QUA (PHƯƠNG THỨC BỎ PHIẾU KÍN)**

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 23 Điều lệ công ty và khoản 1, 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020, các nội dung sau đây đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

| <b>STT</b> | <b>Nội dung đã được thông qua</b>   | <b>Tỷ lệ tán thành</b> |
|------------|---|------------------------|
| 1          | Tờ trình về kết quả SXKD năm 2021; kế hoạch SXKD năm 2022; kết quả đầu tư năm 2021; kế hoạch đầu tư năm 2022 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021. | 99.86%                 |
| 2          | Tờ trình về việc điều chỉnh chiến lược, kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của công ty giai đoạn 2021-2025.                              | 99,86%                 |
| 3          | Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.  | 99.86%                 |
| 4          | Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.  | 99.86%                 |
| 5          | Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022.  | 99.86%                 |
| 6          | Tờ về việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022.   | 99.86%                 |
| 7          | Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022.   | 99.86%                 |
| 8          | Tờ trình phương án trả lương của công ty năm 2022.  | 99.86%                 |
| 9          | Tờ trình đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công  | 98.93%                 |

|    |   |        |
|----|---|--------|
|    | ty với Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn  |        |
| 10 | Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty.   | 99.86% |
| 11 | Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.                                  | 99.86% |
| 12 | Tờ trình xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài và điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh | 99.77% |
| 13 | Tờ trình đề nghị Cty TNHH MTV TCT TCSG hỗ trợ công tác KTNB                           | 99.86% |
| 14 | Tờ trình bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS.   | 99.86% |

**G. ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (NHIỆM KỲ 2022-2027) THEO PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU, BỎ PHIẾU KÍN.**

Ông Lê Hoàng Linh thông qua Quy chế bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022-2027).

**Biểu quyết: 17,762,207/17,762,207 cổ phần (tỷ lệ 100%).**

Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát, kết quả như sau:

**1. Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:**

| STT | Danh sách bầu cử HĐQT | Số phiếu biểu quyết | Tỷ lệ   |
|-----|-----------------------|---------------------|---------|
| 1   | Ông Ngô Ngọc Khánh    | 17,771,973          | 100.06% |
| 2   | Ông Phạm Trung Nghị   | 17,648,553          | 99.36%  |

**2. Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:**

| STT | Danh sách bầu cử BKS | Số phiếu bầu | Tỷ lệ  |
|-----|----------------------|--------------|--------|
| 1   | Ông Trần Văn Trường  | 17,718,475   | 99.75% |

**Biểu quyết: 17,762,207/17,762,207 cổ phần (tỷ lệ 100%).**

Căn cứ vào Quy chế bầu cử (bầu bổ sung) thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Ban kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022-2027), Ông Ngô Ngọc Khánh và Ông Phạm Trung Nghị đã trúng cử là thành viên HĐQT; Ông Trần Văn Trường đã trúng cử là thành viên Ban kiểm soát của công ty (Nhiệm kỳ 2022-2027).

**Như vậy, Hội đồng quản trị của công ty gồm 05 thành viên như sau:**

1. Ông Lê Hoàng Linh: Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Văn Cường: Thành viên HĐQT (kiêm Giám đốc)
3. Ông Hoàng Đức Thịnh: Thành viên HĐQT không điều hành
4. Ông Ông Ngô Ngọc Khánh: Thành viên HĐQT không điều hành
5. Ông Phạm Trung Nghị: Thành viên độc lập HĐQT

**Ban kiểm soát của công ty gồm 03 thành viên như sau:**

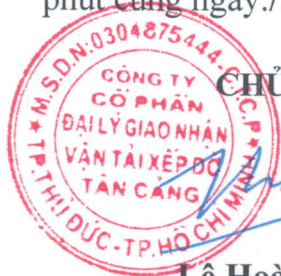
1. Ông Phạm Văn Phụng: Trưởng ban
1. Bà Lê Thị Kim Chung: Thành viên BKS
2. Ông Trần Văn Trường: Thành viên BKS

**H. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 (PHƯƠNG THỨC BIỂU QUYẾT CÔNG KHAI).**

Thư ký đọc biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, không ai có ý kiến gì thêm.

**Biểu quyết: 17,762.207/17,762,207 cổ phần (tỷ lệ 100%).**

Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã được thông qua với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100%. Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 45 phút cùng ngày./.



**CHỦ TỌA**

**Lê Hoàng Linh**

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

**Phạm Thị Trang**



Handwritten text, likely a list or notes, located in the upper right quadrant of the page. The text is faint and difficult to read.



A small, faint red stamp or mark located on the left side of the page.



Số: 373 /NQ – ĐHCĐTN 2022

Thủ Đức, ngày 16 tháng 6 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty CP Đại lý GNVТ xếp dỡ Tân Cảng,
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng ngày 16/6/2022.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 công ty Cổ phần Đại lý GNVТ xếp dỡ Tân Cảng (TCL) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại Hội trường TCL Building, (số 470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh) với sự tham gia của 101 cổ đông trực tiếp và theo ủy quyền. Tổng cộng nắm giữ: 17,762,207/ 30,158,436 cổ phần, chiếm tỷ lệ 58.89 % vốn điều lệ, đủ điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đại hội thống nhất ra Nghị quyết với các nội dung sau:

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2021; kế hoạch SXKD năm 2022; kết quả đầu tư năm 2021; kế hoạch đầu tư năm 2022 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, cụ thể như sau:

**1. Kết quả SXKD năm 2021**

**1.1. Kết quả sản lượng thực hiện năm 2021 (một số chỉ tiêu chính):**

| CHỈ TIÊU                     | ĐVT  | Kế hoạch Năm 2021 | Thực hiện Năm 2021 | % So với KH năm | % so với Cùng kỳ |
|------------------------------|------|-------------------|--------------------|-----------------|------------------|
| SL xếp dỡ container tại bãi  | Teus | 2,940,000         | 2,038,014          | 69.32%          | 68.15%           |
| SL xếp dỡ bến sà lan 125     | Teus | 222,000           | 250,990            | 113.06%         | 113.26%          |
| SL dịch vụ thông qua depot   | Teus | 2,050,000         | 2,074,581          | 101.20%         | 105.56%          |
| SL dịch vụ đóng/rút hàng     | Teus | 48,000            | 34,502             | 71.88%          | 67.66%           |
| SL dịch vụ tại cảng TCNT     | Teus | 92,000            | 80,435             | 87.43%          | 91.44%           |
| SL dịch vụ kho tại cảng TCNT | Tấn  | 20,000            | 24,401             | 122.01%         | 147.82%          |
| SL Hàng rời bến sà lan TCNT  | Tấn  | 100,000           | 56,427             | 56.43%          | 66.60%           |



## 1.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT  | Chỉ tiêu                       | Kế hoạch Năm 2021 | Thực hiện Năm 2021 | Tỷ lệ (%) | % so với cùng kỳ |
|-----|--------------------------------|-------------------|--------------------|-----------|------------------|
| I   | Tổng doanh thu, thu nhập thuần | 1,176,226.45      | 1,176,035.28       | 99.98%    | 107.14%          |
| II  | Tổng chi phí                   | 1,042,924.82      | 1,038,091.46       | 99.54%    | 106.71%          |
| III | Tổng LN trước thuế             | 133,301.63        | 137,943.82         | 103.48%   | 110.45%          |
| IV  | Thuế TNDN phải nộp             | 23,813.20         | 26,450.03          | 111.07%   | 124.72%          |
| V   | LN sau thuế                    | 109,488.43        | 111,493.78         | 101.83%   | 107.53%          |
| VI  | EPS (đồng/CP)                  | 2,963.38          | 3,029.00           | 102.21%   | 112.85%          |

## 2. Kế hoạch SXKD năm 2022

### 2.1. Kế hoạch sản lượng năm 2022 của TCL (một số chỉ tiêu chính):

| CHỈ TIÊU                            | ĐVT  | Thực hiện Năm 2021 | Kế hoạch Năm 2022 | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------------------|------|--------------------|-------------------|-----------|
| Sản lượng xếp dỡ container tại bãi  | Teus | 2,038,014          | 2,000,000         | 98.13%    |
| Sản lượng xếp dỡ bến sà lan 125     | Teus | 250,990            | 300,000           | 119.53%   |
| Sản lượng dịch vụ thông qua depot   | Teus | 2,074,581          | 2,100,000         | 101.23%   |
| Sản lượng dịch vụ đóng/rút hàng     | Teus | 34,502             | 38,000            | 110.14%   |
| Sản lượng dịch vụ tại cảng TCNT     | Teus | 80,435             | 80,000            | 99.46%    |
| Sản lượng dịch vụ kho tại cảng TCNT | Tấn  | 24,401             | 50,000            | 204.91%   |
| Sản lượng hàng rời bến sà lan TCNT  | Tấn  | 56,427             | 60,000            | 106.33%   |

### 2.2. Kế hoạch SXKD năm 2022:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                       | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 | Tỷ lệ % |
|-----|--------------------------------|--------------------|-------------------|---------|
| I   | Tổng doanh thu, thu nhập thuần | 1,176,035.28       | 1,242,547.00      | 105.66% |
| II  | Tổng chi phí                   | 1,038,091.46       | 1,098,501.83      | 105.82% |
| III | Tổng lợi nhuận trước thuế      | 137,943.82         | 144,045.17        | 104.42% |
| IV  | Thuế TNDN phải nộp             | 26,450.03          | 26,275.03         | 99.34%  |
| V   | Tổng lợi nhuận sau thuế        | 111,493.78         | 117,770.14        | 105.63% |

## 3. Kết quả đầu tư năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT        | Tên hạng mục đầu tư                           | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | Tỷ lệ %        |
|------------|---|-------------------|--------------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>                 | <b>75,800.00</b>  | <b>1,044.86</b>    | <b>1.38%</b>   |
| <b>A</b>   | <b>Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch</b>            | <b>54,800.00</b>  | <b>497.18</b>      | <b>0.91%</b>   |
| 1          | Di dời kho xăng dầu vùng 2 sang vị trí mới    | 3,800.00          | 356.62             | 9.38%          |
| 2          | Xây kho hàng kho (khu 15 ha)                  | 51,000.00         | 140.56             | 0.28%          |
| <b>B</b>   | <b>Nâng cấp Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2</b>      | <b>21,000.00</b>  | <b>0.00</b>        | <b>0.00%</b>   |
| <b>C</b>   | <b>Khu vực Tân Cảng Mỹ Thủy</b>               | <b>0.00</b>       | <b>78.61</b>       |                |
| 1          | Lắp đường dây cấp nguồn dàn PTI tại T04-TCMT  |                   | 78.61              |                |
| <b>D</b>   | <b>Xây trụ sở văn phòng</b>                   |                   | <b>469.07</b>      |                |
| <b>II</b>  | <b>MUA SẮM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ</b>             | <b>0.00</b>       | <b>1,381.95</b>    |                |
| 1          | Phần mềm quản lý doanh thu chi phí            |                   | 288.00             |                |
| 2          | Mua sắm băng tải đóng gạo ICD TCNT            |                   | 954.32             |                |
| 3          | Mua sắm server Dell cho phòng TCKT            |                   | 55.99              |                |
| 4          | Phần mềm Base                                 |                   | 83.64              |                |
| <b>III</b> | <b>ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Góp vốn điều lệ)</b>     | <b>-8,000.00</b>  | <b>-8,365.92</b>   | <b>104.57%</b> |
| 1          | Thoái vốn Cty CP ICD Tân cảng Cái Mép         | -6,400.00         | -6,400.00          | 100.00%        |
| 2          | Thoái vốn Cty CP ĐT và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu | -1,600.00         | -1,965.92          | 122.87%        |

Tổng số tiền đầu tư XDCB năm 2021 là 1,044.86 triệu đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), chỉ đạt 1,38% kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân là do ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, việc tìm kiếm khách hàng thuê kho gặp khó khăn nên công ty chưa đầu tư xây kho theo kế hoạch và chưa nâng cấp Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2.

Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty CP ICD Tân cảng Cái Mép và Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu.

#### 4. Kế hoạch đầu tư năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT      | Tên hạng mục đầu tư                                  | Kế hoạch 2022    |
|----------|--|------------------|
| <b>I</b> | <b>ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>                        | <b>64,550.00</b> |
| <b>A</b> | <b>Khu vực Tân Cảng Nhơn Trạch</b>                   | <b>44,350.00</b> |
| 1        | Dự án 15 ha Tân Cảng Nhơn Trạch                      | 35,000.00        |
| 1.1      | Thi công kho 1 và đường bãi quanh kho                | 35,000.00        |
| 2        | Lắp mới đường dây cấp nguồn dàn PTI tại TCNT         | 9,350.00         |
| <b>B</b> | <b>Khai thác 20ha ICD/Depot tại khu vực phía nam</b> | <b>20,200.00</b> |

|           |   |                  |
|-----------|---|------------------|
| <b>II</b> | <b>MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ</b>         | <b>1,800.00</b>  |
| 1         | Phần mềm quản lý khai thác Depot/ICD TTOS | 1,800.00         |
|           | <b>TỔNG</b>                               | <b>66,350.00</b> |

*Bảng chữ: Sáu mươi sáu tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng./.*

### 5. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

(Tóm tắt một số chỉ tiêu chính)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                                 | TCL               | Hợp nhất          |
|--|-------------------|-------------------|
| Tài sản ngắn hạn                         | 368,758.53        | 388,359.49        |
| Tài sản dài hạn                          | 471,150.77        | 498,888.31        |
| <b>Tổng cộng tài sản</b>                 | <b>839,909.30</b> | <b>887,247.80</b> |
| Nợ phải trả                              | 308,273.57        | 308,255.55        |
| Nguồn vốn chủ sở hữu                     | 531,635.73        | 578,992.26        |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>               | <b>839,909.30</b> | <b>887,247.80</b> |
| 1. Doanh thu bán hàng và CCDV            | 1,153,230.88      | 1,185,725.67      |
| 2. Doanh thu hoạt động tài chính         | 22,798.17         | 10,033.97         |
| 3. Thu nhập khác                         | 6.23              | 22.84             |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>                  | <b>956,134.00</b> | <b>982,133.34</b> |
| Chi phí tài chính                        | 820.56            | 1,532.43          |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty LDLK      |                   | 15,458.01         |
| Chi phí bán hàng                         | 24,893.12         | 25,203.61         |
| Chi phí quản lý                          | 56,051.77         | 61,761.40         |
| Chi phí khác                             | 192.02            | 221.18            |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> | <b>137,943.82</b> | <b>140,388.52</b> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp:              | 26,450.03         | 26,918.01         |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                | <b>111,493.78</b> | <b>113,470.51</b> |

**Điều 2.** Thông qua tờ trình điều chỉnh chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của công ty giai đoạn 2021-2025 với một số chỉ tiêu như sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025 (Công ty mẹ).



Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu                                  | 2021      | 2022      | 2023      | 2024      | 2025      |
|----|---|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1  | Doanh thu thuần                           | 1,153,430 | 1,212,324 | 1,281,625 | 1,349,314 | 1,424,639 |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế                      | 133,302   | 136,405   | 139,159   | 142,944   | 147,558   |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế                        | 109,488   | 112,155   | 114,545   | 117,553   | 121,225   |
| 4  | Thu nhập BQ của NLĐ<br>(triệu đồng/tháng) | 25.00     | 25.50     | 27.00     | 27.30     | 28.00     |

- Kế hoạch tài chính doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 (Công ty mẹ).

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu  | 2021    | 2022      | 2023      | 2024      | 2025      |
|----|---|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1  | Vốn điều lệ   | 301,584 | 301,584   | 301,584   | 301,584   | 301,584   |
| 2  | Vốn chủ sở hữu  | 530,251 | 546,918   | 565,389   | 585,935   | 609,273   |
| 3  | Tổng giá trị tài sản                                    | 919,865 | 1,117,611 | 1,103,254 | 1,075,785 | 1,053,812 |
| 4  | Nợ phải trả   | 389,614 | 570,692   | 537,864   | 489,850   | 444,539   |
|    | Đầu tư vào công ty con;<br>công ty liên doanh, liên kết | 118,560 | 118,560   | 118,560   | 118,560   | 118,560   |
|    | Đầu tư dài hạn khác                                     | 26,479  | 26,479    | 26,479    | 26,479    | 26,479    |

### **Điều 3. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021**

### **Điều 4. Thông qua báo cáo của BKS năm 2021**

### **Điều 5. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022, cụ thể như sau:**

Ban kiểm soát đề xuất 05 đơn vị kiểm toán đưa vào danh sách chọn như sau:

- 1.1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội;
- 1.2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- 1.3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- 1.4. Công ty TNHH PWC Việt Nam;
- 1.5. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 và giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên, giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn.

### **Điều 6. Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022, cụ thể như sau:**

#### **1. Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021.**

| NỘI DUNG                               | KẾ HOẠCH NĂM 2021 |                 | THỰC HIỆN NĂM 2021 |                 |
|--|-------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|  | %                 | Giá trị         | %                  | Giá trị         |
| Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước |                   | 71.091.822.666  |                    | 71.091.822.666  |
| Lợi nhuận sau thuế 2021                |                   | 109.488.430.000 |                    | 111.493.782.637 |
| Lợi nhuận phân phối                    |                   | 109.488.430.000 |                    | 111.493.782.637 |
| - Quỹ đầu tư Phát triển                | 30%               | 32.846.529.000  | 30%                | 33.448.134.791  |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi            | 25% QL            | 19.000.000.000  | 25%QL              | 19.492.653.948  |
| - Quỹ thưởng BQL điều hành             |                   | 550.000.000     |                    | 630.000.000     |
| - Quỹ thưởng BDH hoạt động LD          |                   | 100.000.000     |                    | 100.000.000     |
| - Chia cổ tức                          | 22%               | 66.348.559.200  | 42%                | 126.665.431.200 |
| Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau       |                   | 61.735.164.466  |                    | 2.249.385.364   |

Thời gian chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2021 trong tháng 8/2022; thời gian chi trả cổ tức dự kiến trước ngày 30/9/2022.

## 2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022.

| Nội dung                               | KẾ HOẠCH NĂM 2022 |                 |
|--|-------------------|-----------------|
|  | %                 | Giá trị         |
| Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước |                   | 2.249.385.364   |
| Lợi nhuận sau thuế 2022                |                   | 117.770.140.000 |
| Lợi nhuận phân phối                    |                   | 117.770.140.000 |
| - Quỹ đầu tư Phát triển                | 30%               | 35.331.042.000  |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi            | 25% QL            | 20.350.000.000  |
| - Quỹ thưởng BQL điều hành             |                   | 700.000.000     |
| - Quỹ thưởng BDH hoạt động Liên doanh  |                   | 100.000.000     |
| - Chia cổ tức                          | 21%               | 63.332.715.600  |
| Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau       |                   | 205.767.764     |

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2022 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2022 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

**Điều 7. Thông qua tờ trình chi trả thù lao HĐQT, BKS 2021; KH thù lao HĐQT, BKS 2022, cụ thể như sau:**

### 1. Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021:

Căn cứ Điều 9 Nghị quyết số 294/NQ-HĐQT ngày 15/6/2021, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 8,000,000<sup>d</sup>/người/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT : 6,500,000<sup>d</sup>/người/tháng
- Các thành viên HĐQT : 5,000,000<sup>d</sup>/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 5,000,000<sup>d</sup>/người/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 2,500,000<sup>d</sup>/người/tháng

Tổng mức thù lao đã chi trả các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách trong năm 2021 là 286,500,000 đồng (*Hai trăm tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*).

## **2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022**

- Thù lao chi trả cho HĐQT (bao gồm Chủ tịch và 04 ủy viên): 336,000,000 đồng/năm.

*Trong đó:* Chủ tịch HĐQT: 8,000,000<sup>d</sup>/tháng, thành viên HĐQT: 5,000,000<sup>d</sup>/tháng

- Thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát (bao gồm Trưởng BKS, 02 thành viên BKS): 120,000,000 đồng/năm.

*Trong đó:* Trưởng Ban Kiểm soát: 5,000,000<sup>d</sup>/tháng; thành viên Ban kiểm soát: 2,500,000<sup>d</sup>/tháng.

Tổng cộng mức thù lao chi trả các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách: **300,000,000 đồng/năm** (*Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn*).

**Điều 8. Thông qua tờ trình phương án trả lương của công ty năm 2022, cụ thể như sau:**

**1. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của người lao động là 81,400,000,000 đồng** (tương ứng với lợi nhuận trước thuế kế hoạch 144,045,171,000 đồng).

**2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý chuyên trách: 5,600,000,000 đồng.**

**3. Quỹ thù lao kế hoạch của viên chức quản lý không chuyên trách: 300,000,000 đồng.**

Quỹ lương thực hiện năm 2022 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2022 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động TBXH.

**Điều 9. Thông qua tờ đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn, cụ thể như sau:**

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Cổ đông lớn, Công ty mẹ) thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm:** *Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, bốc xếp, đóng rút hàng; vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; thuê/cho thuê bến, bãi, văn phòng làm việc; hợp tác kinh doanh khai thác bãi container...*

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

**Điều 10. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ công ty.**

**Điều 11. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.**

**Điều 12. Thông qua tờ trình xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài và điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh, cụ thể như sau:**

Qua rà soát các điều ước quốc tế Việt Nam là thành viên và pháp luật Việt Nam quy định về sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh:

- Giảm ngành nghề đăng ký kinh doanh: Điều hành tua du lịch (mã ngành 7912).
- Xác định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng là 49% vốn điều lệ.
- Sửa Khoản 2 Điều 4 trong Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng: Bỏ Tiết 15: Điều hành tua du lịch (mã ngành 7912).

**Điều 13. Thông qua tờ trình đề nghị Cty TNHH MTV TCT TCSG hỗ trợ công tác KTNB, cụ thể như sau:**

Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng (TCL) là công ty con của công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (TCT) đã thành lập phòng kiểm toán nội bộ và phòng kiểm toán nội bộ của TCT đã triển khai thực hiện kiểm toán nội bộ cho TCL trong tháng 02 năm 2022 (Phạm vi kiểm toán: Năm 2021).

Nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty, đồng thời tiết kiệm chi phí cho công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đề nghị Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn hỗ trợ công tác KTNB của TCL (khi TCL

chưa thành lập bộ phận KTNB). TCL sẽ phối hợp với phòng kiểm toán nội bộ của TCT xây dựng Quy chế, quy trình và kế hoạch kiểm toán nội bộ cho công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ vào thời điểm thích hợp hoặc thuê ngoài dịch vụ kiểm toán nội bộ khi cần thiết.

**Điều 14. Thông qua tờ trình bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS.**

Ông Nguyễn Xuân Bình – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; Ông Võ Đắc Thiệu Thành viên HĐQT không điều hành và Bà Nguyễn Thị Nhu – Thành viên ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu và trúng cử theo Nghị quyết số 266/NQ-ĐHĐCĐTN 2017 ngày 28/4/2017 đến nay đã 5 năm. Như vậy Ông Nguyễn Xuân Bình; Ông Võ Đắc Thiệu: Thành viên HĐQT và Bà Nguyễn Thị Nhu: Thành viên ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ.

Công ty TNHH MTV TCT TCSG đề cử Ông Ngô Ngọc Khánh tham gia ứng cử để bầu thành viên HĐQT (thay ông Võ Đắc Thiệu) và đề cử Ông Trần Văn Trường tham gia ứng cử để bầu thành viên ban kiểm soát (thay bà Nguyễn Thị Nhu).

Do số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, nên HĐQT đề cử Ông Phạm Trung Nghị tham gia ứng cử để bầu thành viên độc lập HĐQT thay Ông Nguyễn Xuân Bình.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua danh sách ứng viên bầu 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

| STT  | Họ và tên ứng viên                               | Ghi chú   |
|--|--|---|
| <b>I. BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> |  |   |
| 1  | Ông Ngô Ngọc Khánh                               | Cty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn đề cử   |
| 2  | Ông Phạm Trung Nghị<br>(thành viên độc lập HĐQT) | Các cổ đông đề cử không đủ số lượng ứng viên để bầu, nên Hội đồng quản trị đề cử. |
| <b>II. BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</b>    |  |   |
| 1  | Ông Trần Văn Trường                              | Cty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn đề cử   |

**Điều 15. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT và kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.**

**1. Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:**

| STT | Danh sách trúng cử HĐQT                          | Số phiếu bầu | Tỷ lệ   |
|-----|--|--------------|---------|
| 1   | Ông Ngô Ngọc Khánh                               | 17,771,973   | 100.06% |
| 2   | Ông Phạm Trung Nghị<br>(thành viên độc lập HĐQT) | 17,648,553   | 99.36%  |

**2. Kết quả bầu bổ sung thành viên BKS.**

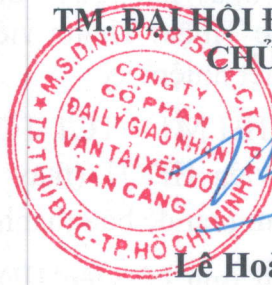
| STT | Danh sách trúng cử BKS | Số phiếu bầu | Tỷ lệ  |
|-----|------------------------|--------------|--------|
| 1   | Ông Trần Văn Trường    | 17,718,475   | 99.75% |

**Điều 16: Điều khoản thi hành.**

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 16/6/2022.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tài chính năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty. /.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH**



**Lê Hoàng Linh**

